

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Nhuận

Bà Hoàng Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố H, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố D, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đức T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22-01-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào năm 1999. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại Tổ dân phố H, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, thường xuyên

đánh đập, chửi bới vợ con và làm hao hụt kinh tế gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên giải, gia đình cũng đã tác động nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị đã về nhà mẹ đẻ tại phường Ngọc Hải ở và sống ly thân với anh T được khoảng 3 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T thường xuyên đến tìm, chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Thùy L, sinh ngày 21-7-2000. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu L ở với bố và ông bà nội, chị vẫn có trách nhiệm chu cấp chi phí sinh hoạt, học tập cho cháu. Vì vậy, khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-02-2018, bị đơn là anh Vũ Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị Th trình bày. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng 4 năm trước, chị Th tự ý bỏ nhà sang Hồng Kông làm ăn nên anh nghi ngờ chị Th có quan hệ ngoại tình. Kể từ đó, anh và chị Th sống ly thân, không gặp gỡ, không liên lạc, không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn với anh, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nên việc quay về đoàn tụ với nhau là không thể. Vì vậy, anh cũng xin được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung như chị Th trình bày. Ly hôn, anh nhận nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân, đề nghị xử cho chị Th được ly hôn anh T.

Về con chung, đề nghị giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng.

Về án phí, chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Th và anh T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 03-9-1999 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay, chị Th có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T, đây là vụ việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cả chị Th và anh T đều trình bày, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do anh T nghiện ma túy, thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con, thường xuyên xúc phạm chị và gia đình chị. Theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do anh nghi ngờ chị Th có quan hệ ngoại tình. Chị Th và anh T đã sống ly thân được khoảng 4 năm, không còn quan tâm, chăm sóc hay có trách nhiệm gì với nhau.

[4] Tổ dân phố H, phường V (nơi chị Th và anh T chung sống) cũng đã xác nhận những nội dung chị Th trình bày là đúng sự thực. Gia đình chị Th cũng cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của chị Th và anh T như sau: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh T là do anh T nghiện ma túy, không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị Th. Gia đình đã nhiều lần khuyên anh T từ bỏ ma túy, thay đổi phong cách sống và khuyên chị Th cố gắng chung sống với anh T để nuôi dạy con cho tốt nhưng tình trạng hôn nhân giữa anh chị ngày càng căng thẳng hơn. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn với anh T, gia đình xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, thời gian anh chị sống ly thân đã lâu, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng nhau nên gia đình cũng ủng hộ việc chị Th xin ly hôn với anh T.

[5] Xét thấy, hôn nhân của chị Th và anh T đã đến mức độ trầm trọng, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau; vợ chồng luôn nghi ngờ, thiếu niềm tin vào nhau; anh chị đã sống ly thân nhiều năm và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Thùy L, sinh ngày 21-7-2000. Chị Th và anh T đều thống nhất sau khi ly hôn sẽ giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của cháu L nên cần chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Vũ Đắc T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thùy L, sinh ngày 21-7-2000 cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006777 ngày 25-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn; chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Th và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường V;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm